**UBND HUYỆN ...................**

**TRƯỜNG TH&THCS ...................**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**TIÊU CHUẨN CƠ SỞ VẬT CHẤT**

**HẢI PHÒNG, NĂM 2023**

## ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ...................

**TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ...................**

Số: 150/BC-TH&THCSHH

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

# DANH SÁCH VÀ CHỮ KÍ

# THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | ................... | Hiệu trưởng | Chủ tịch HĐ  Phụ trách chung |  |
| 2 | ................... | Phó Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch HĐ |  |
| 8 | ................... | TPCM tổ Tiểu học | Thư kí HĐ |  |
| 3 | ................... | TTCM tổ Tiểu học | Ủy viên HĐ |  |
| 4 | ................... | TTCM tổ THCS | Ủy viên HĐ |  |
| 5 | ................... | Tổ trưởng tổ VP | Ủy viên HĐ |  |
| 6 | ................... | TPCM tổ THCS | Ủy viên HĐ |  |
| 7 | ................... | Thư ký hội đồng | Ủy viên HĐ |  |
| 9 | ................... | Tổ phó tổ Văn phòng | Ủy viên HĐ |  |

# MỤC LỤC

[**Trang bìa** 1](#_Toc142664731)

[**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ** 1](#_Toc142664734)

[DANH SÁCH VÀ CHỮ KÍ 2](#_Toc142664738)

[THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ 2](#_Toc142664739)

[MỤC LỤC 3](#_Toc142664740)

[TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ 5](#_Toc142664741)

[1. Kết quả đánh giá 5](#_Toc142664742)

[2. Kết luận: Trường Đạt Mức 3. 5](#_Toc142664743)

[Phần I 6](#_Toc142664744)

[CƠ SỞ DỮ LIỆU 6](#_Toc142664745)

[1. Số lớp học 6](#_Toc142664746)

[2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường 7](#_Toc142664747)

[3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên 8](#_Toc142664748)

[4. Học sinh 9](#_Toc142664749)

[Phần II 12](#_Toc142664750)

[TỰ ĐÁNH GIÁ 12](#_Toc142664751)

[A. ĐẶT VẤN ĐỀ: 12](#_Toc142664752)

[1. Tình hình chung của nhà trường 12](#_Toc142664753)

[2. Mục đích tự đánh giá 13](#_Toc142664754)

[3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá 13](#_Toc142664755)

[B. TỰ ĐÁNH GIÁ 14](#_Toc142664756)

[I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 2 CƠ SỞ VẬT CHẤT- TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC 14](#_Toc142664757)

[Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập. 15](#_Toc142664758)

[1. Mô tả hiện trạng 15](#_Toc142664759)

[2. Điểm mạnh 17](#_Toc142664760)

[3. Điểm yếu 18](#_Toc142664761)

[4. Kế hoạch cải tiến chất lượng 18](#_Toc142664762)

[5. Tự đánh giá: 18](#_Toc142664763)

[Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập. 18](#_Toc142664764)

[1. Mô tả hiện trạng: 19](#_Toc142664765)

[2. Điểm mạnh: 20](#_Toc142664766)

[3. Điểm yếu: 21](#_Toc142664767)

[4. Kế hoạch cải tiến chất lượng: 21](#_Toc142664768)

[5. Tự đánh giá 21](#_Toc142664769)

[Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị. 21](#_Toc142664770)

[1. Mô tả hiện trạng 22](#_Toc142664771)

[2. Điểm mạnh: 23](#_Toc142664772)

[3. Điểm yếu: 23](#_Toc142664773)

[4. Kế hoạch cải tiến chất lượng: 23](#_Toc142664774)

[5. Tự đánh giá: 23](#_Toc142664775)

[Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước 24](#_Toc142664776)

[1. Mô tả hiện trạng: 24](#_Toc142664777)

[2. Điểm mạnh: 25](#_Toc142664778)

[3. Điểm yếu: 25](#_Toc142664779)

[4. Kế hoạch cải tiến chất lượng: 26](#_Toc142664780)

[5. Tự đánh giá: 26](#_Toc142664781)

[Tiêu chí 3.5: Thiết bị. 26](#_Toc142664782)

[1. Mô tả hiện trạng: 26](#_Toc142664783)

[2. Điểm mạnh: 28](#_Toc142664784)

[3. Điểm yếu: 28](#_Toc142664785)

[4. Kế hoạch cải tiến chất lượng: 28](#_Toc142664786)

[5. Tự đánh giá: 28](#_Toc142664787)

[Tiêu chí 3.6: Thư viện 28](#_Toc142664788)

[1. Mô tả hiện trạng: 29](#_Toc142664789)

[2. Điểm mạnh: 30](#_Toc142664790)

[3. Điểm yếu: 30](#_Toc142664791)

[4. Kế hoạch cải tiến chất lượng: 30](#_Toc142664792)

[5. Tự đánh giá: 30](#_Toc142664793)

[Kết luận về Tiêu chuẩn cơ sở vật chất nhà trường 30](#_Toc142664794)

[Phần III. 32](#_Toc142664795)

[KẾT LUẬN CHUNG 32](#_Toc142664796)

# TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

| **Tiêu chuẩn 3, tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Tiêu chí 1 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 2 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 3 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 4 |  | x | x | - |
| Tiêu chí 5 |  | x | x | x |
| Tiêu chí 6 |  | x | x | x |

**Kết quả: Đạt Mức 3**

### 2. Kết luận: Trường Đạt Mức 3.

# Phần I

# CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: **Trường Tiểu học và Trung học cơ sở ...................**

Cơ quan chủ quản: **UBND huyện ...................**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thành phố | Hải Phòng |  | Họ và tên  Hiệu trưởng | ................... |
| Huyện | ................... | Điện thoại | 0225.3888762 |
| Xã | ................... | E.mail | Ptcs……….@  cathai.edu.vn |
| Đạt chuẩn quốc gia |  | Website | https://th-thcs...........haiphong.edu.vn/homegd1 |
| Năm thành lập trường | 1961 | Số điểm trường | 0 |
| Công lập | Công lập |  | Loại hình khác | 0 |
| Tư thục | 0 | Thuộc vùng khó khăn | 0 |
| Trường chuyên biệt | 0 | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | 0 |
| Trường liên kết với nước ngoài | 0 |  |  |

### 1. Số lớp học

| **Số lớp học** | **Năm học** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2018-2019** | **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** |
| Mẫu giáo 3-4 tuổi | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Mẫu giáo 5-6 tuổi | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 3 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 4 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 5 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 6 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 7 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 8 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Khối lớp 9 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| **Cộng** | **11** | **11** | **11** | **11** | **11** |

### 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| **TT** | **Số liệu** | **2018-2019** | **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| I | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 16 | 17 | 18 | 19 | 23 |  |
| 1 | Phòng học | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 |  |
| a | Phòng kiên cố | 11 | 11 | 11 | 11 | 11 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 3 | 3 | 4 | 4 | 7 |  |
| a | Phòng kiên cố | 3 | 3 | 4 | 4 | 7 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 2 | 3 | 3 | 4 | 5 |  |
| a | Phòng kiên cố | 2 | 3 | 3 | 4 | 5 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| II | Khối phòng hành chính - quản trị | 6 | 6 | 6 | 7 | 7 |  |
| a | Phòng kiên cố | 6 | 6 | 6 | 7 | 7 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| III | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| IV | Các công trình, khối phòng chức năng khác | 4 | 4 | 4 | 6 | 7 |  |
|  | **Cộng** | **27** | **28** | **29** | **33** | **38** |  |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| *Chưa đạt chuẩn* | *Đạt chuẩn* | *Trên chuẩn* |
| Hiệu trưởng | 01 |  | Kinh |  | 01 |  |  |
| Phó hiệu trưởng | 01 | 01 | Kinh |  | 01 |  |  |
| Giáo viên | 17 | 12 | Kinh |  | 17 |  |  |
| Nhân viên | 05 | 02 | Kinh |  | 03 |  |  |
| **Cộng** | **24** | **15** |  |  | **22** |  |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

| **TT** | **Số liệu** | **2018-2019** | **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số CB-GV-NV | 25 | 25 | 26 | 26 | 25 |
| 2 | Tổng số GV | 18 | 18 | 18 | 18 | 17 |
| 3 | Tỷ lệ GV/lớp | 1,64 | 1,64 | 1,64 | 1,64 | 1,54 |
| 4 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0,30 | 0,30 | 0,35 | 0,36 | 0,36 |
| 5 | Tổng số GV dạy giỏi cấp huyện. | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| 6 | Tổng số GV dạy giỏi cấp thành phố trở  lên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

### 4. Học sinh

a) Số liệu chung

| **TT** | **Số liệu** | **2018-2019** | **2019-2020** | **2020-2021** | **2021-2022** | **2022-2023** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số học sinh |  |  |  |  |  |  |
| *- Nữ* |  |  |  |  |  |  |
| *- Dân tộc* |  |  |  |  |  |  |
| *- Khối lớp 3+ 4 tuổi* |  |  |  |  |  |  |
| *- Khối lớp 4 + 5 tuổi* |  |  |  |  |  |  |
| *- Khối lớp 1* |  |  |  |  |  |  |
| *- Khối lớp 2* |  |  |  |  |  |  |
| *- Khối lớp 3* |  |  |  |  |  |  |
| *- Khối lớp 4* |  |  |  |  |  |  |
| *- Khối lớp 5* |  |  |  |  |  |  |
| *- Khối lớp 6* |  |  |  |  |  |  |
| *- Khối lớp 7* |  |  |  |  |  |  |
| *- Khối lớp 8* |  |  |  |  |  |  |
| *- Khối lớp 9* |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Bán trú |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nội trú |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp học |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi |  |  |  |  |  |  |
| *- Nữ* |  |  |  |  |  |  |
| *- Dân tộc thiểu số* |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia |  |  |  |  |  |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách |  |  |  |  |  |  |
| *- Nữ* |  |  |  |  |  |  |
| *- Dân tộc* |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt |  |  |  |  |  |  |
|  | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |  |

c) Kết quả giáo dục

| **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại giỏi | 10,4% | 8,8% | 9,0% | 16,5 | 12,8 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại khá | 35,2% | 35,2% | 29,5% | 27,8 | 27,7 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 0,8% | 10,4% | 4,9% | 4,3 | 0 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 62,4% | 63,2% | 63,1% | 63,4 | 68,1 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 38,4% | 36,8% | 36,9% | 34,9 | 31,9 |  |
| Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 0 | 0 | 0 | 1,7 | 0 |  |

# Phần II

# TỰ ĐÁNH GIÁ

## A. ĐẶT VẤN ĐỀ:

### 1. Tình hình chung của nhà trường

Trường TH&THCS ................... thuộc địa bàn xã ..................., huyện ..................., thành phố Hải Phòng, được thành lập năm 1961. Qua nhiều lần đổi tên, trường đã chính thức với tên trường là trường TH&THCS ................... theo Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện .................... Trải qua 61 năm xây dựng và trưởng thành, trường đã vượt qua khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Năm học 2022-2023, trường có 25 cán bộ, giáo viên, nhân viên, trong đó: Ban giám hiệu 02 đồng chí, giáo viên 17 đồng chí và 06 đồng chí nhân viên. Giáo viên trực tiếp giảng dạy 100% có trình độ đạt chuẩn. Trường có chi bộ Đảng gồm 11 đảng viên, chi bộ liên tục đạt chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong 02 năm liền và giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo các hoạt động của nhà trường. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên đều hoạt động tích cực, góp phần đưa nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành, trường luôn quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; tích cực tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học đảm bảo yêu cầu nhằm nâng cao hiệu quả tiết dạy. Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề, các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nhà trường động viên, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia các hội thi của ngành, cấp huyện, cấp thành phố. Trong các năm học 100% cán bộ, giáo viên và nhân viên đều có phẩm chất đạo đức tốt, có tay nghề xếp loại khá và giỏi; 20/21 cán bộ giáo viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến, 03 giáo viên đạt chiến sĩ thi đua; tỷ lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở, lao động tiên tiến, giáo viên giỏi được giữ vững.

Trường TH&THCS ................... là trường có 3 cấp học, số lượng học sinh ít. Năm học 2022-2023 trường có 47 học sinh với 11 khối lớp (từ lớp Mầm non đến lớp 9), số học sinh trong một lớp không nhiều (lớp ít nhất là 02 học sinh, lớp nhiều nhất là 05 học sinh). Trường quan tâm tới chất lượng dạy của giáo viên và chất lượng học của học sinh, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá và đổi mới phương pháp học của học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường luôn chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, thành lập các đội tuyển đi thi cấp huyện, cấp thành phố. Số lượng học sinh đạt giải trong các hội thi cấp huyện, cấp thành phố được duy trì và tăng theo các năm trong: năm học 2018-2019 số học sinh giỏi cấp huyện là 01, năm học 2019-2020 số học sinh giỏi cấp huyện là 01 và có 01 giải cấp thành phố, năm học 2020-2021 số học sinh giỏi cấp huyện là 01; Năm học 2022-2023 số học sinh giỏi cấp huyện là 01 em. Trong nhiều năm gần đây trên 98,2% học sinh xếp loại hạnh kiểm khá tốt, không có học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp, chuyển cấp đều đạt 92% trở lên.

Được sự quan tâm, chỉ đạo của ngành, của Đảng, của chính quyền địa phương và sự chỉ đạo quyết liệt của chi bộ Đảng, BGH nhà trường trong nhiều năm qua trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Qua nhiều năm phát triển, trường khắc phục mọi khó khăn đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt” và đạt được một số thành tích nổi bật: Nhiều năm liền trường đạt tập thể tiên tến. Ngoài ra nhà trường còn gặt hái được một số thành tích đáng ghi nhận: Công đoàn vững mạnh, chi đoàn văn minh công sở, liên đội mạnh cấp huyện, cấp thành phố. Các tổ chức: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nhà trường thực hiện tốt các cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”, phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

### 2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của tự đánh giá là nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành. Nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường thông báo công khai với các cơ quan quản lý và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục từ đó không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

### 3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Căn cứ vào Thông tư số 18/2018/TT-BGD-ĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; căn cứ vào Hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; được sự hướng dẫn, chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng, Phòng GDĐT huyện ..................., Trường TH&THCS ................... đã tiến hành quá trình tự đánh giá theo 7 bước:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

2. Lập kế hoạch tự đánh giá.

3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.

5. Viết báo cáo tự đánh giá.

6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chí: thu thập thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan... Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau như: bộ tiêu chí quản lí chất lượng giáo dục của trường THCS để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường, sử dụng máy vi tính, máy in, máy photocopy, mạng Internet... để thu thập thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá.

Ban Giám hiệu nhà trường nhận thức đúng đắn mục đích ý nghĩa của việc kiểm định chất lượng giáo dục, đã phổ biến Chỉ thị số 46/2008/CT-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc tăng cường công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, Thông tư số 18/2018/TT-BGD-ĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; căn cứ vào hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông và các văn bản liên quan khác đến cán bộ giáo viên, phụ huynh, học sinh toàn trường. Qua đó cán bộ giáo viên, phụ huynh và học sinh nhà trường đã có nhận thức đúng đắn về mục đích của việc tự đánh giá. Trên cơ sở thông suốt về mặt nhận thức, nhà trường đã triển khai việc tự đánh giá chất lượng trong toàn trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá: 06/06 tiêu chí đạt, 0/6 tiêu chí không đạt.

## B. TỰ ĐÁNH GIÁ

## I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 3 CƠ SỞ VẬT CHẤT- TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC

Trường TH&THCS ................... nằm ở thôn 2, xã ..................., huyện ................... Thành Phố Hải Phòng, trải qua nhiều năm xây dựng và phát triển. Qua quá trình xây dựng, đến năm học 2022-2023 nhà trường có tổng số 38 phòng, bao gồm: khu mầm non và khu phổ thông. Khu mầm non có 12 phòng, gồm: 02 phòng học (lớp 2-3 tuổi, lớp 4-5 tuổi), 01 bếp, 01 kho bếp, 01 nhà ăn, 03 phòng công vụ, 01 phòng nghỉ giáo viên, 01 phòng KHXH, 01 phòng đa năng, 01 phòng thiết bị. Khu TH&THCS có 25 phòng, trong đó khối phòng học có 09 phòng học các lớp, 01 phòng/lớp; 06 phòng học bộ môn, gồm 01 phòng Tiếng Anh, 01 phòng Công nghệ, 01 phòng KHTN, 01 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật; khối phòng phục vụ có 03 phòng, gồm: 01 phòng Đoàn - Đội, 01 phòng y tế - tư vấn tâm lý, 01 phòng thư viện; khối phòng hành chính quản trị gồm 08 phòng: 02 phòng BGH, 01 phòng Chuyên môn tiểu học, 01 phòng chuyên môn THCS, 01 phòng truyền thống-hội họp, 01 phòng GV, 01 phòng Đảng Đoàn, 01 phòng bảo vệ. Hiện nay, cơ sở vật chất nhà trường không ngừng xây dựng và nâng cấp. Tất cả các phòng học và phòng chức năng được sửa chữa và xây mới đảm bảo diện tích và ánh sáng, thẩm mỹ, đạt các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất trường chuẩn Quốc gia. Bên cạnh đó khuôn viên, sân chơi bãi tập, khu vệ sinh, khu nhà xe cũng đồng bộ được nâng cấp và tạo nên môi trường giáo dục Xanh - sạch - đẹp - an toàn.

Trong những năm gần đây, trường TH&THCS ................... rất quan tâm tới việc trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Nhà trường tích cực tham mưu với UBND xã ................... và phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, chủ động huy động các nguồn lực để đầu tư và hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết. Trường có khuôn viên riêng biệt, gọn gàng. Cơ sở vật chất đầy đủ phục vụ các hoạt động giáo dục. Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập được bố trí khoa học, các phòng chức năng, phòng hiệu bộ, phòng học, phòng học bộ môn đều được trang bị các thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Khu nhà xe, khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước an toàn, đảm bảo, sạch sẽ. Nhà trường lắp đặt hệ thống Internet có phát tín hiệu WiFi phủ sóng toàn bộ khuôn viên trong trường đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin hoạt động tốt. Môi trường sư phạm và cảnh quan nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn; nhiều năm liền, nhà trường được đánh giá tốt về phong trào giữ gìn vệ sinh trường học.

### Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.

Mức 1:

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*

*c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

*Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.*

Mức 3:

*Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.*

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng diện tích là 2036m2, được xây dựng gồm 2 khu: khu khu mầm non và khu TH&THCS. Khu TH&THCS có tổng diện tích là: 1768 m2, khu mầm non có tổng diện tích là: 268 m2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 20/1999/QĐ-BTC, ngày 25 tháng 2 năm 1999. Nhà trường có sơ đồ quy hoạch mặt bằng tổng thể chi tiết và những hệ thống biển, nội quy, quy định. Khuôn viên trường xanh - sạch - đẹp, an toàn với nhiều cây xanh bao quanh, sân trường luôn sạch sẽ, thoáng mát. Hàng năm nhà trường thực hiện nghiêm túc Kế hoạch xây dựng phong trào xanh - sạch - đẹp, an toàn nhằm đảm bảo tốt các hoạt động chung. Các báo cáo kết quả phong trào xanh - sạch - đẹp, an toàn luôn được xếp loại tốt phù hợp với tiêu chí “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” [H1-3.1-01]; [H1-3.1-02]; [H1-3.1-03]; [H1-3.1-04]; [H1-3.1-05]; [H1-3.1-06]; [H1-3.1-07]. Tuy nhiên bồn hoa, cây cảnh chưa được phong phú; sân chơi khu mầm non chưa thiết kế được một số hoạt động trải nghiệm cho trẻ nên hạn chế tính chủ động, sáng tạo của trẻ.

Cổng chính của trường thuộc khu phổ thông, gồm có: 01 cửa chính, 01 cửa phụ, cổng chính rộng 4m cao 2,2m và cửa phụ rộng 1,2m cao 2,2m, cổng trường được thiết kế và xây dựng theo đúng quy định của Điều lệ trường Trung học. Cổng trường có hướng quay về đường xuyên đảo của huyện, thuận tiện cho các tổ chức, các cá nhân đến công tác và học sinh đến trường nhưng vẫn đảm bảo an toàn giao thông. Mặt ngoài phía trên cổng có biển ghi các dòng chữ: dòng thứ nhất ghi: UBND HUYỆN ..................., PHÒNG GD&ĐT; dòng thứ 2 ghi tên trường: TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ ...................; dòng thứ 3 ghi địa chỉ và số điện thoại: xã ................... huyện ................... thành phố Hải Phòng, SĐT: 02253.888.759; Khu mầm non có cổng trường riêng, quay về phía đường liên thôn trong khu dân cư, thuận tiện cho việc đưa đón trẻ. Cổng trường rộng 3m cao 2,2m, hàng thứ hai có thêm dòng chữ (CƠ SỞ MẦM NON). Xung quanh trường có hệ thống tường bao được xây dựng kiên cố và chắc chắn cao khoảng 1,7m, đảm bảo an toàn với khu dân cư [H1-3.1-02]; [H1-3.1-08]; [H1-3.1-09]. Từ nhiều năm nhà trường chưa để xảy ra tình trạng mất an ninh, an toàn trong trường học, cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh yên tâm công tác và học tập tại trường.

Khu Phổ thông của nhà trường có sân chơi với diện tích là 992,6m2, khu mầm non có diện tích sân là 187,3m2  đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học, Điều lệ trường THCS & THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT. Sân trường được lát gạch đỏ chắc chắn, không trơn trượt đảm bảo cho các hoạt động ngoại khóa, hoạt động Đội, hoạt động ngoài giờ lên lớp, Hội khỏe phù đổng của nhà trường. Sân trường chính là sân chơi, bãi tập của học sinh. Các em có thể tham gia các hoạt động thể dục, thể thao trong chương trình học chính khóa cũng như rèn luyện các năng khiếu: điền kinh, nhảy xa, đá cầu, cầu lông,... Dưới tán cây xanh mát có các dãy ghế đá cho học sinh ngồi đọc sách, nghỉ ngơi trong các giờ giải lao. Ngoài giờ học trong lớp, các cháu mầm non được tham gia vận động toàn diện cùng các thiết bị và đồ chơi ngoài trời như thang leo cầu trượt, trò chơi liên hoàn, vườn cổ tích, tham gia hoạt động trải nghiệm trồng rau, chăm sóc bồn hoa cây cảnh,... [H1-3.1-01]; [H1-3.1-02]; [H1-3.1-03]; [H1-3.1-04]; [H1-3.1-05]; [H1-3.1-10]; [H1-3.1-11]; [H1-3.1-12]. Nhà trường kết hợp với nhà văn hóa của xã để làm nhà đa năng được bố trí các môn thể dục thể thao: Trong nhà bố trí môn đá cầu, bóng bàn, cờ vua, ngoài sân có sân bóng chuyền, các dụng cụ tập luyện được bố trí ngoài các khu vực của sân.

Mức 2:

Với tổng diện tích đất toàn trường khu TH&THCS là 1768 m2 và khu mầm non là 268 m2 nên diện tích xây dựng công trình và diện tích sân chơi đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011. Sân trường có cây bóng mát, cây cảnh, cây hoa tạo không gian thân thiện với học, hoàn thiện tiêu chí trường học thân thiện học sinh tích cực. Sân trường rộng được bố trí, kẻ vẽ thành các sân chơi, bãi tập theo đúng yêu cầu của từng môn thể dục- thể thao: nhảy xa, điền kinh, đá cầu, cầu lông... cho chương trình học chính khóa và rèn luyện các môn năng khiếu. Dưới tán cây xanh mát có các dãy ghế đá cho học sinh ngồi đọc sách, nghỉ ngơi trong các giờ giải lao. Ngoài giờ học trong lớp, các cháu mầm non được tham gia vận động toàn diện cùng các thiết bị và đồ chơi ngoài trời như thang leo cầu trượt, trò chơi liên hoàn, vườn cổ tích, hoạt động trải nghiệm trồng rau, chăm sóc cây cảnh [H1-3.1-01]; [H1-3.1-02]; [H1-3.1-03]; [H1-3.1-04]; [H1-3.1-05]; [H1-3.1-10]; [H1-3.1-11]; [H1-3.1-12]. Trong nhiều năm học qua, nhà trường được Phòng giáo dục và đào tạo ................... đánh giá tốt về cảnh quan, môi trường sư phạm và cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu học tập, vui chơi của học sinh. Nhà trường kết hợp với nhà văn hóa của xã để làm nhà đa năng được bố trí các môn thể dục thể thao: Trong nhà bố trí môn đá cầu, bóng bàn, cờ vua, ngoài sân có sân bóng chuyền, các dụng cụ tập luyện được bố trí ngoài các khu vực của sân. Hệ thống hoa bên ngoài khu TH&THCS và cây cảnh trong lớp, chưa được phong phú; sân chơi khu mầm non chưa thiết kế được một số hoạt động trải nghiệm cho trẻ nên hạn chế tính chủ động, sáng tạo của trẻ.

Mức 3:

Trường có khu sân chơi đáp ứng đủ điều kiện vui chơi và hoạt động của học sinh, diện tích đảm bảo với tổng diện tích là 1180 m2 chiếm khoảng 67% diện tích đất của nhà trường đảm bảo diện tích đối với khu vực nông thôn (27,7m2/học sinh); được lát gạch đỏ chống trơn trượt sạch sẽ, xung quanh sân có hệ thống cây xanh tạo bóng mát rất tiện lợi cho các em học sinh hoạt động ngoài trời trong mùa hè, hệ thống ghế đá bố trí khoa học, thẩm mĩ, phù hợp và đáp ứng được tiêu chuẩn của ngôi trường xanh – sạch – đẹp, an toàn. Khu sân chơi, sân tập được trang bị cơ bản thiết bị vận động phục vụ cho giờ tập thể dục như hố nhảy, đệm nhảy, sân cầu lông, đá cầu [H1-3.1-02]; [H1.-3.1-04]; [H1.-3.1-05]; [H1-3.1-10]; [H1-3.1-13].

**2. Điểm mạnh**

Khuôn viên nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động. Xung quanh trường có hệ thống tường bao được xây dựng kiên cố và chắc chắn đảm bảo an toàn trong trường học, cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh yên tâm công tác và học tập tại trường. Trên tường bao quanh khuôn viên được trang trí bằng các bảng, biển, khẩu hiệu tuyên truyền cho học sinh thực hiện tốt các nội quy, quy định và tạo môi trường học tập thoải mái, thân thiện. Cổng trường được xây chắc chắn, biển tên trường được thiết kế theo đúng quy định của Điều lệ Trường. Cổng trường được bố trí cho hai khu mầm non và khu TH&THCS riêng biệt. Sân trường khu TH&THCS rộng, mát, đảm bảo các hoạt động ngoài trời. Ngoài ra còn có các thiết bị, trò chơi nhằm phát triển năng khiếu thể dục, thể thao cho học sinh và cho các cháu mầm non vận động .

### 3. Điểm yếu

Hệ thống hoa bên ngoài khu TH&THCS và cây cảnh trong lớp, chưa được phong phú; sân chơi khu mầm non chưa thiết kế được một số hoạt động trải nghiệm cho trẻ nên hạn chế tính chủ động, sáng tạo của trẻ.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng giao đồng chí Hoàng Vĩ Nhuận - Phó hiệu trưởng chỉ đạo cho giáo viên chủ nhiệm 9 lớp huy động phụ huynh, học sinh ủng hộ chậu hoa của lớp và tổ chức chăm sóc. Chỉ đạo 2 tổ chuyên môn cải tạo hai bồn hoa trước cửa dãy phòng học bộ môn, lựa chọn cây hoa phù hợp với khuôn viên 2 bồn hoa để tạo không gian thân thiện, sạch đẹp. Thời gian hoàn thành trước ngày 20/11/2023.

Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho 02 đồng chí giáo viên mầm non thiết kế được khu vực chơi với cát, nước, làm các thí nghiệm, theo dõi sự phát triển của cây,... phù hợp với số trẻ, tạo hứng thú tính chủ động cho trẻ hoạt động một cách sáng tạo. Giao cho đồng chí Bùi Thị Hoa Huệ - Kế toán nhà trường tham mưu dự trù kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên với số kinh phí mười triệu đồng để thiết kế khu vực chơi, mua cát và đồ chơi với cát, nước (xe nhựa, lồng hộp, hạt muồng, bộ xúc cát, thác nước...).

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

### Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.

Mức 1:

*a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;*

*b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;*

*c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.*

Mức 2:

*a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.*

Mức 3:

*Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).*

### 1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có 11 phòng học, trong đó có 09 phòng học cho 09 lớp khu phổ thông và 02 phòng học cho khu mầm non, đảm bảo đủ điều kiện học nhiều nhất hai ca trong một ngày. Trong phòng học khối phổ thông đều có 04 đến 06 bộ bàn ghế, mỗi bàn có độ dài 1,1m; rộng 0,4cm; cao 0,49m dành cho học sinh lớp Tiểu học và bàn dành cho học sinh lớp THCS dài 1,1m, rộng 0,4cm; cao 0,65m. Tất cả các phòng học được lắp bảng chống loá màu xanh có kẻ hàng ngay ngắn. Bảng chống lóa được lắp đặt chính giữa phòng học, phù hợp với tầm quan sát của học sinh. Tại phòng học các lớp 1,2,3,6,7 đều có tivi kết nối Internet đảm bảo cơ sở vật chất dạy học chương trình giáo dục phổ thông mới 2018. Trong mỗi lớp mầm non được trang bị 10 bộ bàn ghế chăn, đệm, tủ, giá đồ chơi phục vụ học tập, vui chơi phù hợp với lứa tuổi. Lớp học trang trí đẹp, có 01 phòng học được trang bị Tivi kết nối Internet. Các phòng học của hai khu đều có hệ thống cửa ra vào, cửa sổ, rèm cửa, đèn, quạt đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng. Đặc biệt có 01 phòng học mầm non (5+6 tuổi) được trang bị máy điều hòa không khí đảm bảo mát mẻ cho các cháu [H1-3.1-01]; [H1-3.1-02]; [H1-3.1-03]; [H1-3.2-01]; [H1-3.2-02]; [H1-3.2.03].

Nhà trrường có 07 phòng học bộ môn theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, gồm phòng Công nghệ, phòng KHTN, phòng KHXH, phòng Tin học, phòng Âm nhạc; phòng Mỹ thuật, phòng Ngoại ngữ. Các phòng học được trang bị khá đầy đủ thiết bị phục vụ việc dạy và học đặc trưng các bộ môn. Phòng Công nghệ được bố trí một dãy bàn học sinh, trên mỗi bàn được thiết kế bóng điện, ổ điện, dây dẫn điện an toàn thuận tiện cho học sinh thực hành theo nội dung môn học. Trong phòng KHTN có bồn rửa dụng cụ thí nghiệm, hệ thống dẫn, thải nước đảm bảo vệ sinh theo quy định. Phòng Tiếng Anh được trang bị 01 màn hình TV kết nối Internet đảm bảo việc dạy học theo yêu cầu. Phòng Âm nhạc được trang bị đàn ghi ta và đàn đàn Piano, sáo, loa; Phòng Mỹ thuật được trang bị 05 giá và bảng vẽ và các đồ dùng thiết yếu khác. Phòng Tin học có 06 bộ máy tính được kết nối mạng đảm bảo tốc độ truyền Internet. Phòng KHXH được trang bị 01 bộ máy tính và 03 bộ bàn ghế. Các phòng học chức năng đều được trang trí theo đặc trưng của bộ môn và đảm bảo tính thẩm mỹ. Tuy nhiên 02 bộ máy vi tính phòng tin học đã bị xuống cấp chưa đáp ứng đầy đủ việc dạy và học theo yêu cầu của bộ môn Tin học [H1-3.1-03]; [H1-3.2-04]; [H1-3.2-05]; [H1-3.2-06].

Ngoài ra, nhà trường còn có phòng Đoàn - Đội, phòng thư viện, phòng truyền thống. Phòng Đoàn - Đội đảm bảo về diện tích thuận lợi cho ban chỉ huy liên đội sinh hoạt định kì theo tuần, theo tháng. Trong phòng có đầy đủ các trang bị thiết bị đặc trưng thúc đẩy phong trào hoạt động ngoại khóa. Phòng thư viện được đặt ở vị trí thuận tiện cho việc đọc, mượn sách báo của giáo viên, học sinh. Thư viện được bố trí vách ngăn phân biệt khu đọc sách và kho chứa sách thuận tiện cho việc tìm chọn sách, đọc sách ngay tại thư viện. Phòng truyền thống được bài trí trang trọng có sáng tạo, ghi dấu ấn trong chặng đường phát triển của nhà trường. Trong phòng lưu trữ các minh chứng thành tích nhà trường đã đạt được qua các năm. Hàng năm, nhà trường đón các đoàn kiểm tra liên ngành của xã và huyện về kiểm tra hệ thống chiếu sáng, nước sạch nhằm đảm bảo an toàn, vệ sinh cho giáo viên và học sinh trong nhà trường [H1-3.1-03]; [H1-3.2-07]; [H1-3.2-08]; [H1-3.2-09]; [H1-3.2-10].

Mức 2:

Nhà trường có 11 phòng học văn hóa với diện tích là 45m2/phòng. Khối tiểu học được bố trí học tầng 1, THCS học tầng 2, mầm non học khu riêng đảm bảo an toàn trong học tập, vui chơi đảm bảo theo Thông tư số 13/202/TT-BGDĐT. Bên trong các phòng học đều được trang bị bàn ghế học đầy đủ, đạt tiêu chuẩn. Lớp học được trang trí Xanh- Sạch- Đẹp để tạo môi trường lớp học thân thiện, tích cực, thi đua học tập. Các lớp học chương trình GDPT mới 2018 được lắp đặt tivi có kết nối Internet. Có 06 phòng học bộ môn, mỗi phòng có diện tích 45m2, các phòng xây dựng đúng đặc trưng bộ môn đạt tiêu chuẩn quy định, được trang bị các cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng đảm bảo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh [H1-3.2-01]; [H1-3.2-02]; [H1-3.2-03]; [H1-3.2-04]; [H1-3.2-05]; [H1-3.2-06].

Phòng Đoàn - Đội bố trí đầy đủ các trang thiết bị theo quy định, hoạt động thường xuyên theo từng chuyên đề riêng và theo kế hoạch đã lập từ đầu năm học. Phòng thư viện gồm kho sách, khu quản lý, khu đọc sách, có đủ cơ sổ sách, sách tham khảo cho nhu cầu của giáo viên và học sinh trong mỗi năm học. Phòng truyền thống là nơi lưu trữ các hình ảnh, giấy khen, thành tích của nhà trường, là nơi sinh hoạt truyền thống cho học sinh, [H1-3.2-07]; [H1-3.2-08]; [H1-3.2-09].

Mức 3:

Nhà trường có đủ các phòng học văn hóa đảm bảo mỗi lớp có một phòng học riêng biệt; các phòng trang trí đẹp, đạt tiêu chuẩn quy định. Nhà trường bố trí các phòng học đều có đủ các thiết bị dạy học: bàn ghế giáo viên và học sinh, có hệ thống máy chiếu, âm thanh, tranh ảnh, khẩu hiệu [H1-3.2-02]; [H1-3.2-03]; [H1-3.2-04]. Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định, các phòng KHTN; phòng Công nghệ được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, có hệ thống bồn nước rửa tay sạch sẽ sau khi thực hành, có kho, tủ chứa hóa chất và các thiết bị đồ dùng đặc trưng cho các bộ môn, thường xuyên được khai thác một cách hiệu quả phục vụ việc giảng dạy và học tập, phòng Ngoại ngữ có thêm bộ âm thanh, máy chiếu đáp ứng cơ yêu cầu dạy học ngoại ngữ; phòng Mỹ thuật, phòng Âm nhạc có một máy chiếu, giá vẽ, các nhạc cụ và tranh ảnh các nghệ sỹ tiêu biểu. Nhà trường có bố trí một phòng tư vấn học đường đồng thời là phòng Y tế để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh. Qua tư vấn học đường, học sinh sẽ cân bằng tâm sinh lý, nhận thức ưu điểm và nhược điểm của bản thân. Từ đó giúp giáo viên điều chỉnh hoạt động giáo dục phù hợp cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt. Bên cạnh đó, phòng tư vấn học đường giúp phụ huynh nhận thức mối quan hệ tương tác hai chiều giữa gia đình và nhà trường, tạo ra môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh “ không ai bị bỏ lại phía sau” [H1-3.2-02]; [H1-3.2-04]; [H1-3.2-11].

**2. Điểm mạnh:**

Nhà trường có đủ các phòng học văn hóa riêng cho mỗi lớp, đảm bảo học nhiều nhất hai ca/ngày. Các phòng khối phục vụ học tập được xây dựng theo đúng đặc trưng bộ môn, có đủ thiết bị đồ dùng dạy-học đảm bảo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giáo dục và hoạt động chung khác của nhà trường.

### 3. Điểm yếu:

Trong phòng tin học, 02/06 bộ máy vi tính đã bị xuống cấp không đáp ứng được việc dạy và học theo yêu cầu của bộ môn .

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 09 năm 2023, đồng chí ................... - Hiệu trưởng nhà trường làm tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân huyện ................... quan tâm, xem xét đầu tư trang bị cho nhà trường 05 bộ máy tính mới cho phòng Tin học để đáp ứng được việc dạy và học theo yêu cầu của bộ môn.

5. Tự đánh giá**:** Đạt Mức 3

### Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.

Mức 1:

*a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

*b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

*c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2:

*Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.*

Mức 3:

*Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Khối hành chính-quản trị của nhà trường gồm 15 phòng trong đó có: 01 Phòng Hiệu trưởng, 01 Phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng Tổ Tiểu học, 01 phòng Tổ THCS, 01 Phòng Đảng- Đoàn thể; 01 Văn phòng; 01 phòng tài vụ, 01 phòng Giáo viên, 01 phòng Họp- Truyền thống, 01 phòng Y tế, 03 Nhà công vụ, 01 phòng kho, 01 Phòng bảo vệ đặt ngay gần cổng trường và 01 Nhà để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên. Tất cả các phòng trên phục vụ tốt cho các hoạt động điều hành của nhà trường. Khối hành chính- quản trị đã đảm bảo số lượng các phòng đáp ứng đúng các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia [H1-3.1-02]; [H1-3.1-03]; [H1-3.2-11]; [H1-3.3-01]; [H1-3.3-02]; [H1-3.3-03]; [H1-3.3-04]; [H1-3.3-05]; Tuy nhiên cơ sở vật chất của một số phòng của khối phòng hành chính - quản trị còn thiếu bàn ghế, tủ đựng hồ sơ...

Nhà trường có 01 nhà để xe cho giáo viên, nhân viên và nhà để xe cho học sinh. Đi từ cổng trường vào, khu để xe nằm ở phía bên trái sẽ không gây tiếng ồn hoặc ảnh hưởng đến các hoạt động tập thể của học sinh ở sân trường. Nhà để xe có diện tích 18m2, phía trên có mái che tránh mưa, tránh nắng và có đường ống thoát nước trên mái. Ngài ra có lắp hệ thống camera giám sát, đảm bảo an ninh an toàn, không để xảy ra hiện tượng nhầm hoặc mất xe [H1-3.1-02]; [H1-3.3-05].

Các phòng khối hành chính-quản trị được trang bị các thiết bị và đảm bảo quy định. Hàng năm nhà trường đều cho rà soát lại các tài sản, thiết bị ở các phòng để kịp thời phát hiện đồ dùng bị hỏng. Từ đó ban giám hiệu và kế toán nhà trường xây dựng kế hoạch sửa chữa những đồ dùng đã hỏng và bổ sung thêm thiết bị trong các phòng khối hành chính - quản trị để đảm bảo đáp ứng cho các hoạt động của nhà trường. Phòng giáo viên được trang bị 02 máy điều hòa đảm bảo điều kiện tốt cho giáo viên, nhân viên làm việc hiệu quả [H1-3.1-02]; [H1-3.3-06]; [3.3-07]; [H1-3.3-08].

Mức 2:

Các phòng đều được xây dựng kiên cố, vững chắc, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy học và quản lý. Hệ thống chiếu sáng đạt chuẩn và đảm bảo hệ thống quạt mát trong mỗi phòng hành chính- quản trị. Trong đó phòng Giáo viên được lắp đặt máy điều hòa để đáp ứng nhu cầu hoạt động của giáo viên và nhân viên trong trường. Bên cạnh đó phòng Y tế được trang bị các trang thiết bị thiết yếu nhằm chăm sóc sức khỏe ban đầu cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Bếp ăn khu Mầm non được bố trí cuối dãy phòng học. Trong bếp có khu sơ chế thức ăn với hệ thống vòi nước, bồn rửa, thoát nước đảm bảo hợp vệ sinh. Bếp nấu được bố trí phù hợp theo quy định, cách xa khu sơ chế thức ăn. Trong bếp được trang bị tủ cấp đông để lưu giữ mẫu thức ăn trong ngày. Ngoài ra nhà trường còn có 03 phòng công vụ cho giáo viên đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, đảm bảo sức khỏe cho giáo viên [H1-3.1-02]; [H1-3.1-03]; [H1-3.2-11]; [H1-3.3-01]; [H1-3.3-08].

Mức 3:

Tất cả các phòng khu hành chính đều được trang bị đầy đủ thiết bị, bàn ghế theo quy định với hệ thống chiếu sáng đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng; có đầy đủ các loại máy văn phòng được kết nối mạng internet, máy in đáp ứng nhu cầu xây dựng văn bản, phục vụ công tác hành chính, sổ sách chuyên môn. Hệ thống điện thoại nội bộ giúp cho việc liên lạc giữa các phòng thuộc khu vực hành chính. Các hệ thống phòng riêng biệt đảm bảo cho các tổ chức đoàn thể được độc lập chủ động, sáng tạo trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ giúp tăng hiệu quả giáo dục. Phòng tiếp dân, y tế học đường và tư vấn học đường đã thực hiện được chức năng nhiệm vụ riêng biệt của mình trong vấn đề chăm sóc sức khỏe học sinh, bồi dưỡng, tư vấn giúp đỡ học sinh và tiếp công dân phục vụ những nhu cầu trong mối quan hệ giữa nhà trường và các tổ chức xã hội bên ngoài đặc biệt là với phụ huynh học sinh. Với điều kiện về trang thiết bị đầy đủ và được sắp xếp khoa học hợp lí góp phần hiệu quả cho kế hoạch của nhà trường được thực hiện một cách đầy đủ chính xác bài bản và từ đó sẽ nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường [H1-3.3-07]. [H1-3.3-08].

### 2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ các phòng hành chính - quản trị theo quy định và được xây dựng kiên cố chắc chắn đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường. Các phòng được trang bị các thiết bị thiết yếu phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học.

Việc bố trí khu để xe hợp lí và lắp camera giám sát đã đảm bảo an toàn trật tự, an ninh trường học.

Bếp ăn mầm non được bố trí hợp lí, sạch sẽ đảm bảo hợp vệ sinh và công tác chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đạt hiệu quả.

Với 01 phòng nghỉ giáo viên và 03 phòng công vụ dành cho giáo viên thì nhà trường đã đảm bảo điều kiện nghỉ ngơi cho giáo viên, hỗ trợ giáo viên về mặt tinh thần, giúp các đồng chí có sức khỏe tốt và yên tâm công tác.

### 3. Điểm yếu:

Cơ sở vật chất của một số phòng khối phòng hành chính-quản trị còn thiếu bàn ghế, tủ đựng hồ sơ.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Đồng chí Hiệu trưởng giao cho đồng chí kế toán tham mưu dự trù kinh phí chi mười năm triệu đồng từ nguồn ngân sách chi thường xuyên mua thêm tủ đựng hồ sơ. Giao cho toàn thể giáo viên, nhân viên nhà trường sắp xếp kê lại bàn ghế để bổ sung thêm bàn ghế cho phòng của hai tổ chuyên môn Tiểu học và THCS. Thời hạn hoàn thành trước ngày 15 tháng 9 năm 2023.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

### Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

### 1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có 02 khu vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và 01 khu vệ sinh dành cho học sinh, được xây dựng theo thiết kế tổng thể của trường chuẩn Quốc gia. Khu vệ sinh của cán bộ, giáo viên, nhân viên nằm ở cuối 2 dãy phòng hành chính gồm có 01 nhà vệ sinh nam và 01 nhà vệ sinh nữ. Khu vệ sinh của học sinh nằm ở tầng 1, cuối khu phòng học, thuận lợi cho hoạt động vệ sinh của học sinh. Hệ thống nhà vệ sinh đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ. Nhà trường hợp đồng với một nhân viên vệ sinh quét dọn hàng ngày, do đó hai khu vệ sinh của giáo viên, nhân viên và học sinh luôn được sạch sẽ, không gây ô nhiễm môi trường [H1-3.4-01].

Trường sử dụng nguồn nước do công ty cấp nước Hải Phòng cung cấp. Tại phòng giáo viên được trang bị máy lọc nước hai chiều nóng, lạnh đảm bảo nước uống cho giáo viên theo mùa. Nhà trường còn trang bị máy lọc nước cung cấp nước uống cho học sinh hàng ngày. Nước dùng để sinh hoạt, vệ sinh, sử dụng trong các phòng thực hành KHTN, rửa sân trường, tưới cây. Ngoài ra, khu vự mầm non còn có hai bể chứa nước mưa thể tích 20m3 có nắp đậy đảm bảo an toàn, hợp vệ sinh. Phía sau trường có các đường ống thoát nước mưa từ trên mái và hệ thống cống thoát nước đảm bảo nhanh thoát, kịp thời, hợp vệ sinh môi trường [H1-3.4-02]; [H1-3.4-03]; [H1-3.4-04].

Hàng ngày lao công nhà trường quét sân trường thu gom rác lá cây, tập kết tại khu để rác sau trường và được đốt vào cuối tuần. Trong mỗi lớp học có trang bị thùng rác nhỏ gọn, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh và được đổ sạch sẽ vào đầu hoặc cuối buổi học. Trường có hệ thống thùng rác để thu gom rác thải từ hoạt động giáo dục của nhà trường, được đặt ở vị trí phù hợp, sau đó chuyển đến khu tập kết rác thải của xã ................... để Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện đến thu gom và xử lý. Hợp đồng thu gom rác thải được ký kết giữa đơn vị thu gom chất thải và nhà trường giúp rác thải tại trường được xử lý hiệu quả, sạch sẽ, tiết kiệm thời gian và chi phí [H1-3.4-05]; [H1-3.4-06]. Tuy nhiên nhà trường chưa có các thùng rác chuyên dụng để phân loại rác thải hữu cơ và rác thải vô cơ.

Mức 2:

Khu vệ sinh của cán bộ giáo viên, nhân viên và khu vệ sinh của học sinh TH&THCS được xây dựng ở vị trí rất phù hợp với cảnh quan của trường học. Mỗi khu vệ sinh có tổng diện tích 20m2, đượcbố trí ở cuối dãy phòng học đảm bảo không bị mưa nắng. Trong mỗi khu vệ sinh chia thành 2 phòng kín đáo xây dựng tự hoại, kiên cố, bên trong có các trang bị thiết bị vệ sinh, có bồn rửa tay, khăn, giấy lau, nước rửa tay diệt khuẩn… Nhà vệ sinh mầm non được bố trí khép kín ngay phía trong của mỗi phòng học có các thiết bị vệ sinh phù hợp đảm bảo thuận tiện cho các cháu khi sử dụng. Nhà vệ sinh hai khu luôn được vệ sinh sạch sẽ thơm mát, thiết kế ốp tường đá trắng bóng tạo không gian thoáng đãng [H1-3.1-02]; [H1-3.4.01].

Nhà trường có máy lọc nước được lắp đặt tại chân cầu thang tầng 1 dãy các phòng học bộ môn, cung cấp nước uống tinh khiết đảm bảo vệ sinh cho giáo viên và học sinh uống hàng ngày. Hệ thống thoát nước của nhà trường được quy hoạch tổng thể, khoa học, đáp ứng yêu cầu hợp vệ sinh, không gây đọng nước trong sân trường, tiêu thoát nước nhanh khi mưa to; hệ thống thùng rác có nắp đậy đảm bảo cho học sinh đổ rác đúng quy định, hợp vệ sinh; trước và sau giờ tan học, nhà trường có lao công thu gom rác ở các lớp giúp lớp học, khuôn viên nhà trường luôn sạch sẽ, thoáng mát. Hàng năm nhà trường hợp đồng với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện để thu gom và xử lý chất thải đáp ứng theo các quy định của Bộ GDĐT và Bộ Y tế [H1-3.4-03]; [H1-3.4-04]; [H1-3.4-05]; [H1-3.4-06].

### 2. Điểm mạnh:

Khu vệ sinh của giáo viên và học sinh được xây dựng theo thiết kế tổng thể của trường chuẩn Quốc gia đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan môi trường.

Nhà trường có hệ thống thoát nước tốt, được quy hoạch tổng thể, khoa học, không gây ứ đọng nước, đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhà trường có bể dự trự nước mưa hợp vệ sinh đảm bảo nguồn nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, vệ sinh trong nhà trường. Trang bị máy lọc nước hiện đại phục nước uống sạch hàng ngày cho cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh để đảm bảo sức khỏe.

### 3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có các thùng rác chuyên dụng để phân loại rác thải hữu cơ và rác thải vô cơ theo đúng quy trình.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 9 năm 2023, đồng chí Hoàng Vĩ Nhuận- Phó hiệu trưởng giao cho đồng chí kế toán nhà trường tham mưu với đồng chí Hiệu trưởng ................... chi một triệu đồng từ nguồn ngân sách chi thường xuyên để mua 02 thùng đựng rác có màu vàng và màu xanh nhằm phân loại rác thải trong nhà trường. Đồng chí ...................- giáo viên Tổng phụ trách có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi phong trào phân loại rác cho từng chi đội, tuyên truyền cho học sinh tác hại của việc không phân loại rác đúng quy định và nâng cao ý thức tự giác của học sinh. Thời gian hoàn thành trước tháng 9 năm 2023.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

### Tiêu chí 3.5: Thiết bị.

Mức 1:

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3:

*Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

### 1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường, dạy và học đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhu cầu thực tế của nhà trường, bao gồm: 06 máy tính, 06 màn hình tivi kết nối Internet, 07 máy in, 01 máy photocopy, 01 điện thoại bàn, 01 bộ loa kéo tay, 01 máy scan, 01 hệ thống camera và 01 hệ thống wifi hoàn thiện lắp đặt, nâng cấp vào tháng 9/2022. Các thiết bị đều được bố trí lắp đặt hợp lí, hoạt động tốt đảm bảo các công việc của nhà trường [H1-3.3-06].

Nhà trường có đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh của cả nhà trường, đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo; mỗi khối lớp có 01 bộ đồ dùng đồng bộ, gồm có các loại tranh, ảnh, bản đồ, lược đồ và các dụng cụ, hóa chất phục vụ cho các bài thực hành thí nghiệm, các thiết bị này được dán nhãn mác, sắp xếp một cách khoa học theo từng khối học [H2-3.5-01]; [H2-3.5-02]. Tuy nhiên một số đồ dùng dạy học như bản đồ, tranh ảnh, hóa chất... được cấp phát từ năm 2006 đã cũ chưa đảm bảo chất lượng và thẩm mĩ, thường xuyên hỏng không sử dụng được.

Hằng năm, cuối mỗi học kỳ nhà trường đều thành lập ban kiểm kê thiết bị dạy học do đồng chí hiệu trưởng làm trưởng ban, ban kiểm kê thiết bị dạy học tiến hành ra rà soát cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục của nhà trường từ đó có cơ sở xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời phục vụ cho năm học tới nhà trường đã thành lập ban thanh lí và sửa chữa, bổ sung những thiết bị dạy học bị hỏng do đồng chí hiệu trưởng làm trưởng ban, chịu trách nhiệm và sửa chữa, bổ sung các thiết bị dạy học ngay trong hè [H2-3.5-03]; [H2-3.5-04].

Mức 2:

100% máy tính của nhà trường được kết nối Internet tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện tốt công tác quản lý và thực hiện các hoạt động giáo dục. Trong quá trình sử dụng đường truyền mạng Internet luôn ổn định, giúp cho toàn thể các cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường phục vụ tốt công việc của mình. Nhà trường thường xuyên tiến hành rà soát, nâng cấp đường truyền Internet để đảm bảo tốc độ đường truyền phục vụ chuyên môn và giảng dạy [H2-3.5-05].

Nhà trường có đủ cơ bản các thiết bị dạy học và giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT. Các thiết bị dạy học đều được đánh mã hóa vị trí và sắp xếp trên tủ giá thiết bị theo đúng vị trí đã được mã hóa. Nhà trường đã trang bị 06 tivi có kết nối Internet tại các lớp học chương trình GDPT mới 2018 để tạo điều kiện thuận cho giáo viên đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục [H1-3.1-03]; [H2-3.5-01]; [H2-3.5-02].

 Căn cứ vào Thông tư 37,38/2021/TT-BGDĐT hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học, đảm bảo cho giáo viên có đủ đồ dùng dạy học lên lớp. Việc mua sắm thiết bị dạy học theo đúng nguyên tắc tài chính. Hằng năm, nhà trường đều bổ sung thêm các thiết bị dạy học giáo viên tự làm. Có sổ ghi chép đầy đủ việc sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên [H2-3.5-02]; [H1-3.1-03]; [H2-3.5-04]; [H2-3.5-06]; [H2-3.5-07]; [H2-3.5-08].

Mức 3:

Các phòng bộ môn được thiết kế theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Phòng Công nghệ, phòng KHTN đều có diện tích khoảng 40m2, các phòng bộ môn đều có kho để chứa đồ dùng thí nghiệm. Bàn ghế trong phòng là loại chuyên dụng, đủ về số lượng cho mỗi lớp học sinh. Có bảng viết, quạt treo tường, có nguồn điện ổn định, đủ ánh sáng cho học sinh học, có thiết bị cấp nước đặt ở các vị trí khác nhau theo thiết kế đặc thù từng bộ môn. Phòng KHTN còn có thêm bình chữa cháy nổ. Hình ảnh các nhà khoa học bộ môn được treo ở các vị trí trang trọng trong phòng học bộ môn. Hệ thống cửa sổ kính đảm bảo thông thoáng về mùa hè, kín gió về mùa đông. Phòng thực hành tin được trang bị bàn ghế chuyên dụng và lắp đặt 106máy tính có kết nối Internet. Phòng nhạc họa có lắp đặt máy chiếu projecter để phục vụ công tác giảng dạy. Phòng Tiếng Anh có lắp đặt hệ thống âm thanh và máy chiếu projecter. Để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, hầu hết đội ngũ giáo viên đều sử dụng và phát huy hiệu quả các thiết bị dạy học, đặc biệt là các thiết bị dạy học tự làm. 100% giáo viên đã đăng ký sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của bài dạy [H1-3.2-04]; [H1-3.2-06]; [H2-3.5-02]; [H2-3.5-05].

### 2. Điểm mạnh:

Nhà trường rất quan tâm và luôn tạo điều kiện để trong các tiết học giáo viên đều được sử dụng các thiết bị dạy học. Các thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; giáo viên tích cực tự làm đồ dùng, thiết bị dạy học và sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

### 3. Điểm yếu:

Một số đồ dùng dạy học được cấp phát từ năm 2006 đã cũ chưa đảm bảo chất lượng và thẩm mĩ, thường xuyên hỏng, không sử dụng được.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo Hiệu trưởng giao cho đồng chí Hoàng Vĩ Nhuận - Phó hiệu trường phụ trách cơ sở vật chất và đồng chí Lê Bảo Ngọc phụ trách thiết bị giáo dục xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung và sửa chữa các thiết bị để phục vụ tốt nhất cho công tác dạy học. Giao cho đồng chí Bùi Thị Hoa Huệ- Kế toán nhà trường tham mưu dự trù kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên mười triệu đồng để mua bổ sung các thiết bị dạy học đảm bảo theo đúng quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện**.**

Mức 1:

*a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;*

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

Mức 2:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

### 1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Đến thời điểm hiện nay, trong thư viện nhà trường có tổng số sách là 3049 bản: Sách giáo khoa 460 bản thuộc các môn học trong nhà trường; sách nghiệp vụ có 579 bản đảm bảo cho tất cả giáo viên mượn, sử dụng và còn lưu lại thư viện; sách tham khảo có 1750 bản phù hợp với các cấp học; sách thiếu nhi có 260 bản đảm bảo cho học sinh mượn, sử dụng đọc tại thư viện; băng đĩa giáo khoa 20 chiếc, được ghi trong các sổ đăng ký cá biệt: sách tham khảo, sách nghiệp vụ, sách giáo khoa, sổ đăng ký tổng quát [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

Phòng thư viện có diện tích 45m2, hệ thống đèn, quạt đảm bảo ánh sáng và thoáng mát cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đọc sách ngay tại thư viện. Phòng có vách ngăn phân biệt khu đọc sách và kho để sách. Khu đọc sách phân biệt khu đọc của giáo viên và của học sinh, mỗi khu đọc sách được kê 6 bộ bàn ghế. Kho chứa sách được bố trí thuận tiện cho việc tìm chọn sách. Thư viện xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể từng tháng, từng năm học dựa trên kế hoạch của nhà trường. Nhà trường triển khai công tác cho cán bộ, giáo viên và học sinh đọc sách tại thư viện vào các giờ ra chơi trong ngày, hoặc cho mượn về thư viện lớp, về nhà. Việc mượn, trả sách được ghi chép lại cẩn thận trong các sổ theo dõi mượn sách của giáo viên và sổ theo dõi mượn sách của học sinh. Giáo viên và học sinh thực hiện đọc, mượn trả sách được thực hiện theo đúng nội quy thư viên được niêm yết ngay cửa ra vào phòng đọc sách [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06].

Cuối mỗi năm học thư viện nhà trường tiến hành kiểm kê và làm thủ tục thanh lý tạp chí cũ, hỏng không còn sử dụng được theo quy định. Nhà trường lên kế hoạch kịp thời bổ sung thêm một số các loại sách tham khảo, sách giáo khoa, sách nghiệp vụ, sách pháp luật để hỗ trợ nâng cao kiến thức pháp luật cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong trường. Ngoài ra khuyến khích học sinh tặng lại truyện, sách tham khảo cho nhà trường đã qua sử dụng hoặc sách giáo khoa đã học xong chuyển lớp nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu đọc và sử dụng sách của toàn thể giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường [H3-3.6-07]; [H3-3.6-08].

Mức 2:

Thư viện Trường TH&THCS ................... có đầy đủ các loại sách giáo viên để phục vụ giảng dạy, có đủ các loại sách nghiệp vụ, sách tham khảo... phục vụ tốt nhu cầu giáo viên được mượn sách. Thư viện nhà trường có đủ sách giáo khoa, sách giáo viên và sách tham khảo, trang thiết bị cần thiết phục vụ cán bộ giáo viên và học sinh. Cán bộ phụ trách thư viện có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng. Thư viện nhà trường được công nhận là thư viện chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 909/QĐ-SGDĐTngày 25/07/2022. [H3-3.6-09]; [H3-3.6-10]; [H3-3.6-11]. Do phòng thư viện được bố trí vừa là kho sách vừa là phòng đọc sách nên khu đọc sách còn khá hẹp, chưa đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng cao ngồi đọc sách ngay tại thư viện của giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường.

Mức 3:

Thư viện nhà trường đã đạt thư viện chuẩn, nhà trường không ngừng bổ sung sách báo, tạp chí, cơ sở vật chất như số lượng sách tham khảo đảm bảo 2,5 bản/HS; sách nghiệp vụ 4 bản/đầu sách; đảm bảo diện tích phòng thư viện (60m2), chỗ ngồi đọc cho giáo viên và học sinh (16 chỗ). Từ năm học 2017-2018 trang Web của trường được đưa vào hoạt động, nhà trường đã đưa được nhiều tin, bài, hình ảnh và kế hoạch hoạt động của trường lên trang Web nhằm quảng bá hình ảnh, hoạt động của nhà trường đến toàn thể giáo viên và học sinh. Năm học 2022-2023 nhà trường đã xây dựng một trang thư viện điện tử riêng tại địa chỉ [https://....................edu.vn](https://hienhao.edu.vn), là nơi lưu trữ các tài liệu, học liệu của trường và là không gian đọc cho học sinh [H3-3.6-06]; [H3-3.6-08]; [H3-3.6-12].

### 2. Điểm mạnh:

Thư viện nhà trường đã đạt chuẩn thư viện Quốc gia và được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và bản tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

### 3. Điểm yếu:

Do phòng thư viện được bố trí vừa là kho sách vừa là phòng đọc sách nên khu đọc sách còn khá hẹp, chưa đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng cao ngồi đọc sách ngay tại thư viện của giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Đầu năm học 2023-2024 nhà trường giao cho đồng chí ..................., nhân viên thư viện của trường cùng chi đoàn thanh niên giáo viên sắp xếp lại kho sách, bố trí đủ bàn nghế cho mỗi ngăn đọc của giáo viên và học sinh phục vụ nhu cầu đọc sách ngay tại thư viện. Thời gian hoàn thành đến hết tháng 9 năm học năm 2023- 2024.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

### Kết luận về Tiêu chuẩn cơ sở vật chất nhà trường

Trường TH&THCS ................... trong những năm gần đây có tương đối đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy, học tập theo quy định. Khu sân chơi bãi tập và nhà đa năng đã đáp ứng đủ điều kiện của một ngôi trường chuẩn Quốc gia. Diện tích đảm bảo đạt theo mức quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo, đáp ứng được tiêu chuẩn của ngôi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn. Nhà trường có đủ các phòng học văn hóa, các phòng học bộ môn đảm bảo mỗi lớp có một phòng học riêng biệt; các phòng trang trí đẹp, đạt tiêu chuẩn quy định. Các phòng hành chính - quản trị được xây dựng kiên cố chắc chắn và được trang bị cơ bản các thiết bị văn phòng phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Hệ thống cung cấp nước uống, nước sinh hoạt của nhà trường đảm bảo vệ sinh, hệ thống thoát nước tốt, không gây ứ đọng ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và gây mất mỹ quan trường học. Khu vệ sinh của giáo viên và học sinh được xây dựng theo thiết kế tổng thể của trường chuẩn Quốc gia đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan môi trường. Về trang thiết bị dạy học nhà trường đã có đầy đủ các thiết bị tối thiểu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Tuy nhiên hệ thống cây xanh trong, ngoài trường và các bồn hoa cây cảnh chưa phong phú. Một số thiết bị- đồ dùng dạy học, thiết bị máy tính phòng tin học đã cũ, hỏng theo thời gian cần được bổ sung mua sắm và trang bị mới. Cơ sở vật chất của một số phòng khối phòng hành chính-quản trị còn nhiều hạn chế: thiếu bàn ghế, tủ đựng hồ sơ...Vấn đề xử lí rác thải còn gặp khó khăn do thiếu thùng rác chuyên dụng phân loại rác thải. Ngoài ra nhu cầu đọc sách ngay tại thư viện ngày càng cao nên khu đọc sách còn hẹp cũng cần được sắp xếp bố trí lại để có không gian ngồi đọc rộng rãi hơn.

Trong những năm học tới nhà trường tiếp tục trồng thêm hệ thống cây xanh để đảm bảo cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an toàn cho học sinh và giáo viên khi tham gia các hoạt động giáo dục của nhà trường. Hằng năm có kế hoạch rà soát, sửa chữa, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học và kiểm tra lại hệ thống trang thiết bị ở các phòng khối hành chính, hoàn thành lắp đặt các thiết bị đảm bảo phục vụ cho hoạt động của khu vực hành chính được tốt hơn. Nhà trường tiếp tục mua bổ sung thêm thùng đựng rác có màu sắc khác nhau để làm tốt công tác phân loại rác thải. Sắp xếp lại giá sách, kho để sách để đáp ứng đủ nhu cầu đọc sách tại thư viện của giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Số lượng tiêu chí được đánh giá: 06

Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 06/06 = 100%

Số lượng tiêu chí không đạt: 0/06

# Phần III.

# KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá về tiêu chuẩn CSVC của nhà trường được hoàn thành là thành quả lao động sáng tạo không ngừng, là một công trình khoa học, thể hiện sự chắt lọc tinh hoa nhất, sự tập trung trí tuệ cao nhất cùng quyết tâm vượt khó hoàn thành nhiệm vụ tự đánh giá giáo dục để chứng tỏ những thành quả to lớn mà nhà trường đã đạt được trong công tác giáo dục toàn diện nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, khẳng định vị thế và uy tín của nhà trường, từng bước đưa nhà trường lên tầm cao mới xứng đáng với sự mong mỏi của chính quyền và nhân dân địa phương.

Trong suốt quá trình tự đánh giá theo các tiêu chí tập thể cán bộ giáo viên trường THCS ................... hết sức tự hào bởi những thành quả mà nhà trường đã xây dựng và đạt được trong những năm qua về tổ chức và quản lý, về chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học, về các mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, về hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục. Đây là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất chất lượng giáo dục của nhà trường, là nguồn động viên mỗi thầy cô giáo và học sinh khi được giảng dạy và học tập ở mái trường này.

Dựa trên bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Trung học (ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGD ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) nhà trường đã tiến hành tự đánh giá CSVC của mình một cách nghiêm túc, đảm bảo khách quan, quy trình đánh giá. Kết quả đánh giá được tổng hợp như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | |
| **Đạt** | **Không Đạt** | **Đạt** | **Không Đạt** | **Đạt** | **Không Đạt** |
| Số lượng | 6 | 0 | 6 | 0 | 6 | 0 |
| Tỉ lệ % đạt | 100 | 0 | 100 | 0 | 100 | 0 |

**Mức đánh giá: Đạt Mức 3**

Trường TH&THCS ..................., huyện ..................., thành phố Hải Phòng đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 2.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hải Phòng, ngày 01 tháng 8 năm 2023*  **HIỆU TRƯỞNG**  **...................** |